



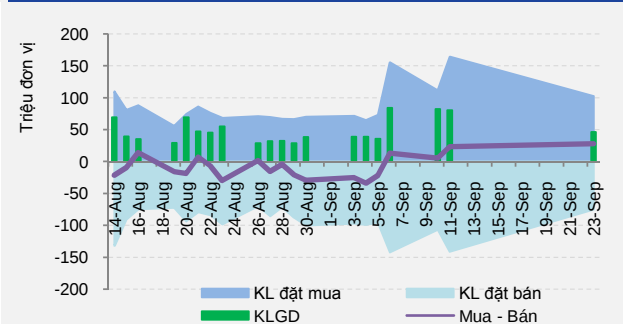
## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 25/9/2013

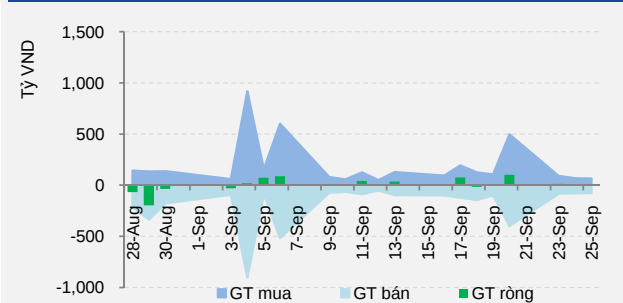
| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 486.2       | 60.3       |
| % Thay đổi          | ↑ 0.7%      | ↑ 0.8%     |
| KLGD (CP)           | 80,657,028  | 39,212,643 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 1,036.63    | 278.93     |
| Tổng cung (CP)      | 140,783,530 | 58,848,900 |
| Tổng cầu (CP)       | 164,145,150 | 69,204,100 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX     |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP)       | 3,524,418 | 127,200 |
| KL mua (CP)       | 2,677,568 | 666,900 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 66.43     | 6.33    |
| GT bán (tỷ đồng)  | 75.07     | 1.22    |
| GT ròng (tỷ đồng) | (8.64)    | 5.11    |

## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E  | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↓ -0.47%   | 7.2  | 1.5 | 2.2%  |
| Công nghiệp         | ↑ 0.89%    | 69.0 | 1.0 | 18.9% |
| Dầu khí             | ↑ 2.37%    | 7.2  | 1.5 | 2.3%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↑ 0.45%    | 13.1 | 1.8 | 2.0%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.54%    | 8.4  | 2.8 | 1.1%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.80%    | 14.4 | 4.9 | 10.4% |
| Ngân hàng           | ↑ 0.86%    | 6.7  | 1.2 | 6.9%  |
| Nguyên vật liệu     | ↓ -0.06%   | 9.1  | 2.0 | 11.3% |
| Tài chính           | ↑ 0.67%    | 15.9 | 2.4 | 32.2% |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↑ 0.64%    | 9.5  | 3.5 | 12.8% |
| VN - Index          | ↑ 0.70%    | 12.7 | 2.9 | 78.8% |
| HNX - Index         | ↑ 0.75%    | 26.9 | 1.5 | 21.2% |

| Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE |         |      |         |      |
|-------------------------------------------|---------|------|---------|------|
|                                           | Mua     | %    | Bán     | %    |
| KLGD (CP)                                 | 861,810 | 1.1% | 863,400 | 1.1% |
| GTGD (tỷ VND)                             | 21,526  | 1.7% | 23,103  | 1.9% |

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index tiếp tục thể hiện xu thế bứt phá khi có thêm một phiên tăng điểm với khối lượng giao dịch tăng gần gấp đôi so với phiên hôm trước. Tuy nhiên, áp lực cung giá cao đã tăng khá mạnh khi VN-Index tăng đến ngưỡng cản của đường MA50, tương đương khoảng 490 điểm. Chỉ số VN-Index không duy trì được mức đóng cửa gần với mức cao nhất trong phiên, kết hợp với KLGD tăng cao cho tín hiệu về khả năng điều chỉnh trong phiên giao dịch tới.

Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index đã có 5 phiên tăng điểm liên tiếp, thể hiện sự hồi phục khá tích cực. HNX-Index đã bứt lên trên EMA9 và một số chỉ báo khác như MACD cũng cho thấy nhiều khả năng thị trường sẽ hồi phục trở lại. Tuy nhiên xét trong ngắn hạn, chỉ số HNX-Index cũng đang tiến lại gần mức cản MA50 do vậy có thể xuất hiện sự điều chỉnh ở vùng giá này.

Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tốt, chúng tôi duy trì đánh giá tích cực về xu hướng tăng điểm của thị trường trong thời gian tới. Do vậy nhà đầu tư có thể xem xét tăng tỷ trọng cổ phiếu trong những nhịp điều chỉnh của thị trường.

- VN-Index tiếp tục có một phiên tăng điểm khá, thị trường tăng 3.4 điểm (+0.7%) và đóng cửa ở mức 486.22 điểm. Như vậy đây là phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp với biến động trong phiên có xu hướng mở rộng dần.

- HNX-Index tăng 0.45 điểm (+0.75%) và đóng cửa ở mức 60.26 điểm.

- Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến 18/9/2013, huy động vốn tăng 11,74% (tiền VND tăng 11.63%, ngoại tệ tăng 12.43%), tín dụng toàn hệ thống tăng 5.83% so với cuối năm 2012, tăng cao hơn so với 9 tháng đầu năm 2012 (2.52%), trong đó, tín dụng bằng VND tăng 9.98%, tín dụng ngoại tệ giảm 13.05%.

- Về lãi suất, mặt bằng lãi suất huy động từ đầu năm đến nay giảm 2 - 3%, lãi suất cho vay giảm khoảng 3 - 5%. Hiện lãi suất cho vay VND đối với lĩnh vực ưu tiên ở mức thấp 7.5 - 9%/năm; cho vay đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khoảng 9 - 11.5% đối với ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn khoảng 11.5 - 13%/năm. Riêng đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ở mức 6,5 - 7%/năm. Lãi suất các khoản cho vay cũ tiếp tục có xu hướng giảm. Đến ngày 12/9/2013, tỷ trọng các khoản vay lãi suất trên 13%/năm khoảng 24.65%, giảm mạnh so với tỷ trọng 66.6% cuối năm 2012.

- Bộ Xây dựng vừa công bố dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi, trong đó một số điểm nổi bật là 1/ quy định theo hướng cởi mở hơn cho người nước ngoài mua nhà tại Việt Nam; và 2/ nới rộng thời gian sở hữu nhà ở chung cư. Cụ thể, người nước ngoài được sở hữu không hạn chế về số lượng nhà ở thương mại trong dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án khu đô thị mới, dự án bất động sản du lịch. Đối với trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất để xây dựng nhà chung cư để bán, cho thuê mua thì thời hạn sở hữu nhà chung cư là 70 năm, từ thời hạn 50 năm đang quy định hiện nay.

- Theo Bộ Kế hoạch Đầu tư, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng đầu năm tăng 5.4% so cùng kỳ năm 2012, là tháng tăng thứ 2 liên tiếp sau diễn biến duy trì ở mức 5.2% trong 3 tháng trước đó. Mức độ tiêu thụ điện, khí đốt cũng tăng 8.3% so cùng kỳ, trong đó điện thương phẩm cấp cho ngành công nghiệp và xây dựng tăng gần 8.6%. Lượng tiêu thụ điện năng cao hơn so với cùng kỳ năm trước có thể nhận thấy sản xuất công nghiệp và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản đang phục hồi. Tuy nhiên mức độ phục hồi vẫn còn khá khiêm tốn.



## VN-INDEX



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Tăng        | Giảm             | Đi ngang           |

**Ghi chú:**

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tiếp tục có một phiên tăng điểm khá, thị trường tăng 3.4 điểm (+0.7%) và đóng cửa ở mức 486.22 điểm. Như vậy đây là phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp với biến động trong phiên có xu hướng mở rộng dần

- KLGD phiên hôm nay tăng lên khá mạnh với hơn 80 triệu cổ phiếu được giao dịch.

- Chỉ số RSI tăng lên trên 55 điểm, tâm lý thị trường chuyển sang hướng tích cực hơn.

**Nhận định:** Chỉ số Vn-Index tiếp tục thể hiện xu thế bứt phá khi có thêm một phiên tăng điểm với khối lượng giao dịch tăng gấp đôi so với phiên hôm trước. Chúng tôi cho rằng việc gia tăng khối lượng giao dịch khá mạnh trong phiên hôm nay không hẳn là một tín hiệu tốt, khả năng thị trường đã xuất hiện hiện tượng chốt lời nhất là khi VN-Index không duy trì được mức đóng cửa gần với mức cao nhất trong phiên. Nhà đầu tư nên xem xét dừng mua đuổi trong phiên ngày mai, chờ những tín hiệu thị trường để thực hiện bán cao mua thấp.

## HNX-INDEX



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Tăng        | Giảm             | Tăng               |

**Ghi chú:**

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày  
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần  
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- HNX-Index tăng 0.45 điểm (+0.75%) và đóng cửa ở mức 60.26 điểm.

- KLGD phiên hôm nay tăng lên 37 triệu cổ phiếu, giao dịch sôi động hơn so với phiên trước.

- Chỉ số RSI tăng lên 48 điểm, tâm lý thị trường vẫn dần lấy lại được cân bằng.

**Nhận định:** Chỉ số HNX-Index đã có 5 phiên tăng điểm liên tiếp cho thấy một sự hồi phục khá tích cực với chỉ số này. HNX-Index đã bứt lên trên EMA9 và một số chỉ báo khác như MACD cũng cho thấy nhiều khả năng thị trường sẽ hồi phục trở lại. Chỉ số HNX-Index cũng đang tiến lại gần mức cản MA50 do vậy có thể xuất hiện sự điều chỉnh ở vùng giá này. Tuy nhiên nhà đầu tư có thể nâng dần tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HNX khi thị trường điều chỉnh bởi yếu tố thanh khoản của thị trường đã có sự cải thiện.



## LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 khả quan tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phiên trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

| STT | Mã  | LNST Q2 (tỷ) | % so Q2.2012 | 6T/2013 (tỷ) | % so 6T/2012 | % so KH 2013 | BVPS (VND) | EPS (VND) | P/E   | P/B  | ROA (%) | ROE (%) |
|-----|-----|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------|-----------|-------|------|---------|---------|
| 1   | DIC | 1.71         | 2542.9%      | 1.88         | 683.3%       | 15.2%        | 12,074     | 473       | 11.41 | 0.45 | 1.16    | 3.8     |
| 2   | CLG | 25.66        | 1222.7%      | 26.36        | 739.5%       | #DIV/0!      | 11,804     | 1,250     | 5.92  | 0.63 | 2.48    | 9.95    |
| 3   | DCL | 14.11        | 875.3%       | 21.01        | 1503.8%      | 61.8%        | 27,002     | 3,621     | 5.5   | 0.74 | 5.39    | 14.22   |
| 4   | KMR | 6.99         | 752.4%       | 2.22         | 105.6%       | 18.0%        | 12,491     | 115       | 22.68 | 0.21 | 0.68    | 0.97    |
| 5   | VHG | 64.09        | 729.6%       | 54.4         | 435.8%       | -272.0%      | 16,531     | 1,381     | 7.68  | 0.64 | 6.58    | 9.24    |
| 6   | VIC | 3794.28      | 597.6%       | 4058.94      | 223.1%       | 54.1%        | 15,763     | 4,612     | 13.66 | 4    | 7.84    | 38.34   |
| 7   | KDC | 44.19        | 589.4%       | 77.86        | 998.0%       | 17.3%        | 27,673     | 2,752     | 17.48 | 1.74 | 7.57    | 10.14   |
| 8   | HAP | 20.22        | 481.0%       | 21.47        | 407.6%       | 159.0%       | 19,770     | 994       | 5.54  | 0.28 | 3.49    | 5.14    |
| 9   | PPC | 355.94       | 467.1%       | 1299.95      | 565.0%       | 387.6%       | 15,679     | 5,411     | 3.77  | 1.3  | 14.41   | 38.41   |
| 10  | JVC | 6.45         | 437.5%       | 13.53        | 159.7%       | 6.8%         | 18,688     | 4,505     | 4.22  | 1.02 | 13.41   | 24.68   |

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

| STT | Mã  | LNST Q2 (tỷ) | % so Q2.2012 | 6T/2013 (tỷ) | % so 6T/2012 | % so KH 2013 | BVPS (VND) | EPS (VND) | P/E  | P/B  | ROA (%) | ROE (%) |
|-----|-----|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------|-----------|------|------|---------|---------|
| 1   | TCM | 35.13        | 144.8%       | 57.76        | 19817.2%     | 63.9%        | 14,204     | 758       | 18.3 | 0.98 | 1.90    | 5.86    |
| 2   | DCL | 14.11        | 875.3%       | 21.01        | 1503.82%     | 61.8%        | 27,002     | 3,621     | 5.5  | 0.74 | 5.39    | 14.22   |
| 3   | FCM | 9.90         | #DIV/0!      | 21.66        | 1323.73%     | 22.6%        | 10,949     | 824       | 10.9 | 0.82 | 4.85    | 11.11   |
| 4   | KDC | 44.19        | 589.4%       | 77.86        | 998.04%      | 17.3%        | 27,673     | 2,752     | 17.5 | 1.74 | 7.57    | 10.14   |
| 5   | CLG | 25.66        | 1222.7%      | 26.36        | 739.49%      | #DIV/0!      | 11,804     | 1,250     | 5.9  | 0.63 | 2.48    | 9.95    |
| 6   | DIC | 1.71         | 2542.9%      | 1.88         | 683.33%      | 15.2%        | 12,074     | 473       | 11.4 | 0.45 | 1.16    | 3.80    |
| 7   | PPC | 355.94       | 467.1%       | 1299.95      | 564.97%      | 387.6%       | 15,679     | 5,411     | 3.8  | 1.30 | 14.41   | 38.41   |
| 8   | VHG | 64.09        | 729.6%       | 54.4         | 435.80%      | -272.0%      | 16,531     | 1,381     | 7.7  | 0.64 | 6.58    | 9.24    |
| 9   | HAP | 20.22        | 481.0%       | 21.47        | 407.57%      | 159.0%       | 19,770     | 994       | 5.5  | 0.28 | 3.49    | 5.14    |
| 10  | GMD | -7.60        | -89.1%       | 138.93       | 319.73%      | 37.0%        | 39,019     | 1,867     | 12.5 | 0.60 | 2.94    | 4.68    |

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

| STT | Mã  | LNST Q2 (tỷ) | % so Q2.2012 | 6T/2013 (tỷ) | % so 6T/2012 | % so KH 2013 | BVPS (VND) | EPS (VND) | P/E   | P/B  | ROA (%) | ROE (%) |
|-----|-----|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------------|-----------|-------|------|---------|---------|
| 1   | PPC | 355.94       | 467.1%       | 1299.95      | 564.97%      | 387.6%       | 15,679     | 5,411     | 3.8   | 1.30 | 14.41   | 38.41   |
| 2   | PVT | 85.47        | 85.0%        | 129.28       | 48.2%        | 331.5%       | 11,645     | 630       | 11.1  | 0.60 | 1.78    | 5.60    |
| 3   | VTO | 23.31        | 25.7%        | 15.4         | -48.89%      | 213.0%       | 12,803     | 369       | 10.0  | 0.29 | 1.15    | 2.83    |
| 4   | HAP | 20.22        | 481.0%       | 21.47        | 407.57%      | 159.0%       | 19,770     | 994       | 5.5   | 0.28 | 3.49    | 5.14    |
| 5   | TLH | 13.08        | -30.4%       | 136.72       | 294.23%      | 135.1%       | 12,201     | 2,237     | 2.7   | 0.50 | 7.45    | 16.48   |
| 6   | BTP | 22.93        | -66.6%       | 70.05        | 24.49%       | 130.2%       | 15,892     | 2,324     | 5.5   | 0.81 | 6.78    | 14.39   |
| 7   | VND | 67.48        | 127.5%       | 94.76        | 57.75%       | 125.1%       | 11,979     | 1,136     | 7.1   | 0.68 | 6.60    | 10.00   |
| 8   | PGD | 81.44        | -71.4%       | 142.79       | -62.74%      | 110.3%       | 24,424     | (1,605)   | -18.2 | 1.20 | (2.96)  | (6.77)  |
| 9   | VIP | 11.54        | -60.2%       | 123.63       | 252.72%      | 104.3%       | 16,285     | 2,400     | 3.0   | 0.44 | 7.16    | 15.41   |
| 10  | HSG | 185.38       | 37.7%        | 413.54       | 118.69%      | 103.4%       | 22,242     | 6,413     | 6.0   | 1.74 | 10.45   | 28.92   |

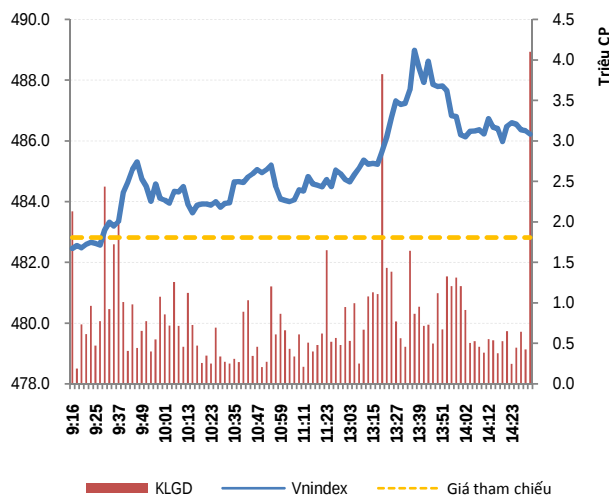
Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

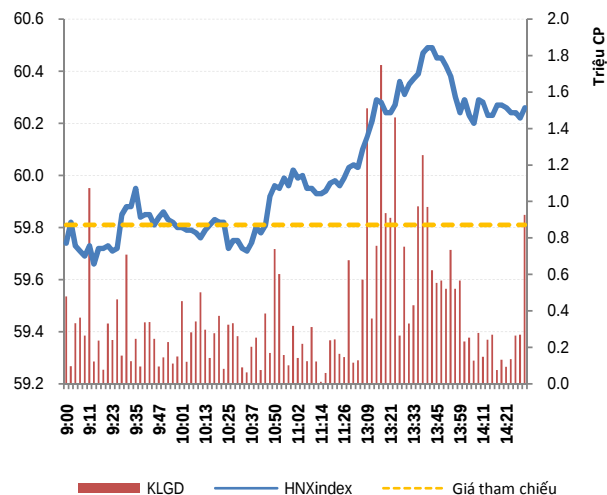
Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 19/09/2013.

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

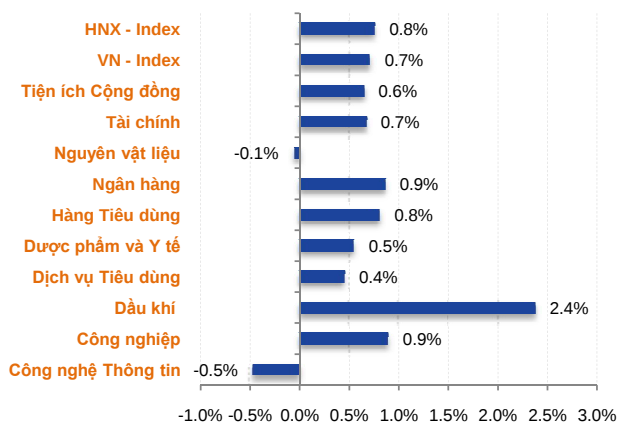
### KLGD và VN-Index trong phiên



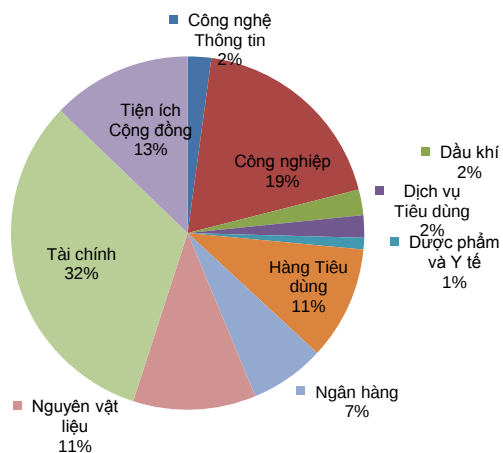
### KLGD và HNX-Index trong phiên



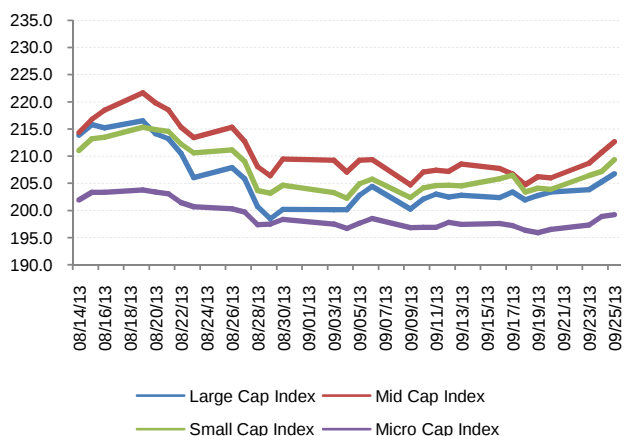
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



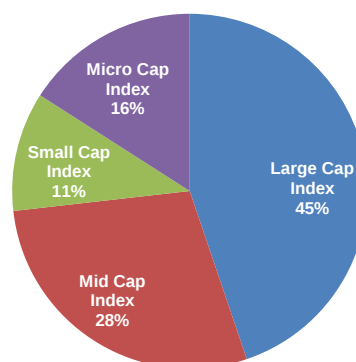
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | OGC   | 152,160     | SJS   | 445,950     |
| 2  | DIG   | 140,100     | PVT   | 341,360     |
| 3  | DRC   | 88,030      | PXI   | 200,000     |
| 4  | ITA   | 86,180      | PPC   | 188,490     |
| 5  | IJC   | 83,560      | TDC   | 119,000     |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PVS   | 161,300     | PVC   | 19,500      |
| 2  | SHB   | 129,600     | DID   | 10,000      |
| 3  | VND   | 117,700     | PVG   | 10,000      |
| 4  | PVX   | 63,700      | TC6   | 10,000      |
| 5  | VCR   | 35,000      | SD9   | 6,000       |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| IJC | 6.3        | 6.6      | ↑ 4.76%  | 7,487,520 |
| ITA | 5.6        | 5.9      | ↑ 5.36%  | 7,247,850 |
| FLC | 4.7        | 4.8      | ↑ 2.13%  | 4,123,880 |
| PVT | 8.7        | 8.3      | ↓ -4.60% | 3,804,690 |
| HAR | 6.2        | 5.9      | ↓ -4.84% | 3,279,590 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| SHB | 6.7        | 6.7      | ↓ -0.60% | 5,825,727 |
| VCG | 8.2        | 8.3      | ↑ 1.71%  | 5,760,140 |
| PVX | 2.7        | 2.9      | ↑ 5.78%  | 4,144,869 |
| SCR | 5.3        | 5.6      | ↑ 5.96%  | 4,096,904 |
| ITQ | 4.6        | 5.0      | ↑ 7.76%  | 1,591,400 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| PXM | 0.5        | 0.6      | 0.1 | ↑ 20.00% |
| EVE | 19.1       | 20.4     | 1.3 | ↑ 6.81%  |
| HTL | 13.3       | 14.2     | 0.9 | ↑ 6.77%  |
| MPC | 20.8       | 22.2     | 1.4 | ↑ 6.73%  |
| BTT | 25.5       | 27.2     | 1.7 | ↑ 6.67%  |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| NIS | 10.0       | 11.0     | 1.0 | ↑ 10.00% |
| VE4 | 8.0        | 8.8      | 0.8 | ↑ 10.00% |
| BHV | 3.1        | 3.4      | 0.3 | ↑ 9.68%  |
| IDV | 21.3       | 23.3     | 2.0 | ↑ 9.39%  |
| YBC | 7.5        | 8.2      | 0.7 | ↑ 9.33%  |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| DTT | 7.4        | 6.9      | -0.5 | ↓ -6.76% |
| SSC | 45.7       | 42.7     | -3.0 | ↓ -6.56% |
| HU3 | 9.2        | 8.6      | -0.6 | ↓ -6.52% |
| SJS | 10.9       | 10.2     | -0.7 | ↓ -6.42% |
| TNT | 1.6        | 1.5      | -0.1 | ↓ -6.25% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| GGG | 0.8        | 0.7      | -0.1 | ↓ -12.50% |
| PRC | 8.1        | 7.3      | -0.8 | ↓ -9.88%  |
| SDC | 7.1        | 6.4      | -0.7 | ↓ -9.86%  |
| PDC | 3.0        | 2.7      | -0.3 | ↓ -9.67%  |
| DNP | 15.0       | 13.6     | -1.4 | ↓ -9.61%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD      | ROE  | EPS | P/E   | P/B |
|-----|-----------|------|-----|-------|-----|
| IJC | 7,487,520 | 3.6% | 390 | 16.9  | 0.6 |
| ITA | 7,247,850 | 0.3% | 31  | 192.8 | 0.5 |
| FLC | 4,123,880 | 4.3% | 661 | 7.3   | 0.3 |
| PVT | 3,804,690 | 5.6% | 630 | 13.2  | 0.7 |
| HAR | 3,279,590 | 4.4% | 448 | 13.2  | 0.5 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|-----------|--------|---------|------|-----|
| SHB | 5,825,727 | -2.9%  | (335)   | -    | 0.6 |
| VCG | 5,760,140 | 1.3%   | 150     | 56.6 | 0.7 |
| PVX | 4,144,869 | -36.4% | (2,642) | -    | 0.5 |
| SCR | 4,096,904 | -3.1%  | (450)   | -    | 0.4 |
| ITQ | 1,591,400 | 0.9%   | 91      | 55.2 | 0.5 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%    | ROE      | EPS      | P/E  | P/B   |
|-----|---------|----------|----------|------|-------|
| PXM | ↑ 20.0% | -1010.2% | (14,249) | -    | (0.1) |
| EVE | ↑ 6.8%  | 11.6%    | 3,061    | 6.7  | 0.8   |
| HTL | ↑ 6.8%  | 14.0%    | 1,547    | 9.2  | 1.2   |
| MPC | ↑ 6.7%  | 3.7%     | 757      | 29.3 | 1.2   |
| BTT | ↑ 6.7%  | 15.0%    | 3,718    | 7.3  | 1.1   |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE     | EPS      | P/E   | P/B  |
|-----|---------|---------|----------|-------|------|
| NIS | ↑ 10.0% | 0.7%    | 83       | 132.8 | 1.0  |
| VE4 | ↑ 10.0% | 12.1%   | 1,741    | 4.6   | 0.6  |
| BHV | ↑ 9.7%  | -211.1% | (14,561) | -     | 14.5 |
| IDV | ↑ 9.4%  | 34.2%   | 3,391    | 6.9   | 2.0  |
| YBC | ↑ 9.3%  | -61.9%  | (3,705)  | -     | 2.2  |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E      | P/B |
|-----|---------|-------|-------|----------|-----|
| OGC | 152,160 | -0.4% | (39)  | -        | 0.9 |
| DIG | 140,100 | 0.0%  | 0     | 32,142.5 | 0.5 |
| DRC | 88,030  | 30.6% | 4,303 | 9.4      | 2.8 |
| ITA | 86,180  | 0.3%  | 31    | 192.8    | 0.5 |
| IJC | 83,560  | 3.6%  | 390   | 16.9     | 0.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua  | ROE    | EPS     | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|---------|-----|-----|
| PVS | 161,300 | 16.4%  | 2,738   | 5.8 | 1.0 |
| SHB | 129,600 | -2.9%  | (335)   | -   | 0.6 |
| VND | 117,700 | 10.0%  | 1,136   | 7.2 | 0.7 |
| PVX | 63,700  | -36.4% | (2,642) | -   | 0.5 |
| VCR | 35,000  | -15.7% | (1,521) | -   | 0.2 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GAS | 126,965 | 41.6% | 6,429 | 10.4 | 3.9 |
| VNM | 116,687 | 40.5% | 7,699 | 18.2 | 6.9 |
| CTG | 61,064  | 19.2% | 2,620 | 6.3  | 1.2 |
| VCB | 59,326  | 9.9%  | 1,785 | 14.3 | 1.5 |
| MSN | 57,469  | 3.9%  | 856   | 95.2 | 3.8 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| ACB | 14,283  | 0.3%  | 41    | 380.7 | 1.1 |
| SQC | 8,602   | 5.8%  | 720   | 108.7 | 6.3 |
| PVS | 7,147   | 16.4% | 2,738 | 5.8   | 1.0 |
| SHB | 5,937   | -2.9% | (335) | -     | 0.6 |
| OCH | 4,800   | 6.5%  | 619   | 38.8  | 2.2 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã  | Beta | ROE    | EPS     | P/E | P/B |
|-----|------|--------|---------|-----|-----|
| PPC | 2.53 | 38.4%  | 5,411   | 3.8 | 1.3 |
| KBC | 2.36 | -10.2% | (1,412) | -   | 0.6 |
| TS4 | 2.27 | 7.9%   | 1,504   | 4.9 | 0.3 |
| CLG | 2.15 | 9.9%   | 1,250   | 5.5 | 0.6 |
| STT | 2.14 | -17.6% | (1,718) | -   | 0.3 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta | ROE     | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|------|---------|---------|------|-----|
| PVA | 3.35 | -108.8% | (6,781) | -    | 0.7 |
| VCG | 3.29 | 1.3%    | 150     | 56.6 | 0.7 |
| SCR | 2.92 | -3.1%   | (450)   | -    | 0.4 |
| V15 | 2.87 | -23.9%  | (2,686) | -    | 0.2 |
| PVV | 2.86 | -24.8%  | (2,293) | -    | 0.3 |



---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Người thực hiện:*

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*